TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG Bản án số: 201/2024/HNGĐ-ST Ngày 13 - 9 - 2024 "V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thi.

Các hội thẩm nhân dân:

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Thái và bà Dương Triết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Quang Trực – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông **Từ Thanh T1**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

(Bà T có mặt, ông T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Bà và ông Từ Thanh T1 tự tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An GiangThời gian đầu, bà và ông T1 chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 12/2023 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là bà và ông T1 bất đồng quan điểm sống với nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc

sống hôn nhân không còn hạnh phúc và cũng từ tháng 12/2023, bà và ông T1 đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà và ông T1 có 01 con chung tên Từ Quốc D, sinh ngày 12-12-2012. Hiện con chung đang sống với ông T1. Khi ly hôn, bà yêu cầu ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Từ Thanh T1: Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn đã tống đạt các văn bản tố tụng, đồng thời triệu tập ông T1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hai lần hợp lệ, nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

Tại phiên tòa, bà T có mặt; ông T1 vắng mặt không có lý do.

* **Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa**:

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, cho bà T ly hôn với ông Từ Thanh T1, giao con chung tên Từ Quốc D, sinh ngày 12-12-2012 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng; buộc bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình; bị đơn là ông Từ Thanh T1 có địa chỉ tại huyện T, tỉnh An Giangn vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự

kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp, ông bà chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh An Giangvà được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19-7-2022. Trong quá trình chung sống, do ông bà bất đồng quan điểm sống với nhau nên vợ chồng thường xuyên cự cãi và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm cho cuộc sống hôn nhân của ông bà không còn hạnh phúc. Từ tháng 12/2023, ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân giữa bà T, ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà T yêu cầu ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Từ Quốc D, sinh ngày 12-12-2012. Xét thấy, từ tháng 12/2023 đến nay cháu D1 với ông T1, được ông T1 chăm sóc, nuôi dưỡng và cũng theo nguyện vọng của cháu D được sống với ông T1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Duyông T2 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Cấp dưỡng cho con: Bà T không cấp dưỡng cho cháu D2 T2 không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Không có.

[3.5] Về nợ chung: Bà T trình bày, bà và ông T2 không có nợ chung.

[4] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Từ Thanh T1.

2. *Về nuôi con chung*: Ông Từ Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Từ Quốc D, sinh ngày 12-12-2012. Hiện ông T1 đang nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014073 ngày 15-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, xem như đã nộp xong án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Chánh;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Dương Thị Bé Thi